

BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “PHÒNG BỆNH VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ MẦM NON” CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Tạ Thị Thủy

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Trong xu thế đổi mới giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng, việc đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy học phần là một xu hướng tất yếu. Bài báo đã chỉ ra những thuận lợi và khó khăn, đề xuất một số biện pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy môn “Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non” dành cho sinh viên ngành giáo dục mầm non, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội theo hướng phát triển năng lực của người học.

Từ khóa: Giáo dục mầm non, phòng bệnh, đảm bảo an toàn, chất lượng giảng dạy.

Nhận bài ngày 27.4.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.5.2021

Liên hệ tác giả: Tạ Thị Thủy; Email: ttthuy@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Nghề giáo viên mầm non có những đặc trưng riêng, trong đó có “Quý trẻ, yêu nghề; kiên nhẫn, biết tự kiểm chế; có tinh thần trách nhiệm cao; có kiến thức, kỹ năng cần thiết; có khả năng sư phạm khéo léo” (Bộ GD-ĐT và Bộ Nội vụ, 2015) [1]. Công việc của giáo viên mầm non (GVMN) là sự kết hợp khoa học và linh hoạt của nhà giáo dục, bác sĩ, nghệ sĩ, nhà dinh dưỡng, nhà tâm lý, ... Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo, sinh viên (SV) ngành Giáo dục mầm non (GDMN) phải học rất nhiều môn học khác nhau. Ngoài các môn đại cương (Chính trị, Văn học, Toán học, Mĩ học, Tin học, Ngoại ngữ, ...), SV ngành GDMN cần phải học các môn năng khiếu (vẽ, đàn, hát, múa, tạo hình, ...) và các môn chuyên ngành (Tâm lý trẻ em, GDMN, vệ sinh, dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ; các môn phương pháp dạy học, ...). Như vậy, sau một quá trình học tập để trở thành giáo viên, SV ngành GDMN không chỉ biết hát, múa, tạo hình, kể chuyện, đọc thơ mà còn được trang bị một khối lượng kiến thức phong phú về thế giới trẻ thơ cũng như vốn tri thức nhân loại. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đã triển khai thực hiện đổi mới về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp và hình thức dạy học ngành Giáo dục Mầm non để đào tạo những thế hệ GVMN có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có lòng yêu trẻ, có tinh thần trách nhiệm trong

công việc. Quá trình đổi mới đòi hỏi giảng viên (GV), người trực tiếp giảng dạy phải thay đổi nhận thức, thay đổi các biện pháp thực hiện để tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực người học. Tuy nhiên, mỗi học phần khi thực hiện đổi mới sẽ có những đặc trưng riêng. Bên cạnh đó hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu về biện pháp nâng cao chất lượng học phần Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Bài viết phân tích những thuận lợi và khó khăn trong quá trình giảng dạy học phần Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non (PB&ĐBAT cho trẻ MN), qua đó đề xuất một số biện pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy học phần theo hướng phát triển năng lực của SV ngành GDMN, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò của học phần Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non

PB&ĐBAT cho trẻ MN là môn học thuộc khối kiến thức chuyên sâu của chương trình đào tạo ngành GDMN [6]. Với thời lượng 2 tín chỉ, số tiết lý thuyết là 15 tiết, thực hành là 30 tiết. Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết để SV sau khi ra trường áp dụng vào việc tổ chức phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ ở trường mầm non. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một số kiến thức và kỹ năng về giáo dục phòng bệnh cho trẻ mầm non để đáp ứng việc đổi mới chương trình chăm sóc - GDMN hiện hành. Học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non. Học phần không chỉ cung cấp kiến thức mà còn góp phần hình thành và phát triển các kỹ năng phòng bệnh - giáo dục trẻ cho SV mầm non (Lê Thị Mai Hoa và Trần Văn Dân, 2014) [3,4]. Nội dung kiến thức của học phần bao trùm khá rộng, gồm các vấn đề cơ bản của bệnh trẻ em, đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn, phát hiện bệnh sớm, biết xử lý bước đầu và chăm sóc khi trẻ ốm, bị tai nạn cho trẻ ở tất cả các đối tượng mầm non và ở các độ tuổi khác nhau. Đồng thời học phần còn cung cấp kiến thức, kỹ năng về giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non. Thông qua việc cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết, môn học góp phần hình thành, bồi đắp phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp của người giáo viên mầm non, đó là lòng yêu nghề, mến trẻ, tinh thần trách nhiệm cao và tận tụy với nghề.

2.2. Những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy và học tập học phần Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em của ngành Giáo dục mầm non tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.2.1. Thuận lợi

Về điều kiện giảng dạy và học tập: Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất về cơ sở vật chất phục vụ việc học tập học phần: Trang thiết bị cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập cho GV và SV được Nhà trường từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực, đáp ứng công tác đào tạo. Thư viện của Nhà trường có đầy đủ phòng đọc, phòng máy tính đáp ứng được yêu cầu học tập của SV. Giáo trình học tập của học phần gồm *Giáo trình Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non* (Lê Thị Mai Hoa) và *Giáo trình Bệnh học trẻ em* (Lê Thị Mai Hoa) có số lượng đáp ứng theo yêu cầu mượn của SV. Một số

tài liệu tham khảo khác được thư viện bổ sung hàng năm. Phòng học theo lớp học phần đảm bảo có diện tích rộng, đủ bàn ghế, một số phòng học có gắn sẵn máy chiếu.

Về phía Giảng viên: Học phần có nhiều GV trực tiếp tham gia giảng dạy có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đảm bảo cho sự lựa chọn của SV theo yêu cầu đào tạo theo tín chỉ. GV đều có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn vững vàng, giàu nhiệt huyết, luôn cống hiến hết mình. Các GV luôn cố gắng tìm tòi, cập nhật kiến thức để xây dựng, điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp với mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non. Trong quá trình giảng dạy, các GV chủ động sử dụng các phương pháp dạy học tăng cường các hoạt động cho SV, phát huy tính tích cực, tự giác của người học như: thảo luận nhóm, dạy học dự án, viết báo cáo, tiểu luận... Đồng thời, các GV tích cực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) để thiết kế bài giảng hấp dẫn, hiệu quả, thuận lợi cho hoạt động học tập của SV. Việc hướng dẫn tự học cho SV cũng được GV chú trọng, không chỉ tư vấn, hướng dẫn SV trong giờ mà còn thực hiện cả ngoài giờ lên lớp thông qua nhiều hình thức như trực tiếp, online hoặc qua lớp học trực tuyến,... Hình thức tổ chức dạy học cũng được GV kết hợp linh hoạt: ngoài dạy học trên lớp còn tổ chức dạy học ở phòng thực hành, tạo điều kiện cho SV nghiên cứu lí thuyết, thực hành và áp dụng thực tiễn nghề nghiệp. Việc kiểm tra, đánh giá cũng được thực hiện đáp ứng theo yêu cầu đổi mới chung của Nhà trường gồm đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần.

Về phía Sinh viên: Vì học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN là môn học chuyên ngành, được lựa chọn đăng ký học kì 5 (năm thứ 3) nên đa phần SV đã có kinh nghiệm, hình thành được phương pháp học tập tích cực. Vì vậy, nhiều SV đã chủ động lập kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân. Dựa trên đề cương môn học và tài liệu giao nhiệm vụ học tập mà GV cung cấp, SV đã tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích tài liệu trước giờ học nên rất tích cực tham gia các hoạt động nhóm, thảo luận với bạn bè và trao đổi với các GV trong giờ học. Bên cạnh đó, việc đánh giá quá trình cũng khiến SV nỗ lực trong suốt thời gian học để hoàn thành các nhiệm vụ, bài tập, bài kiểm tra... mà GV yêu cầu. Chính những điều đó đã góp phần tạo nên kết quả học tập khá cao của SV. Trong những năm học vừa qua, điểm trung bình chung môn học PB&ĐBAT cho trẻ MN có số SV đạt điểm khá, giỏi cao. Đây là những tín hiệu đáng mừng để GV và SV tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

2.2.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, việc giảng dạy và học tập học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN cho SV ngành GDMN cũng gặp một số khó khăn:

Thứ nhất, sĩ số trong một lớp học phần khá đông (40-45) nên việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực phần nào bị hạn chế, đặc biệt là khi tổ chức hoạt động thực hành, thảo luận nhóm. Số lượng SV lớn nên GV không thể quan tâm sâu sát và theo dõi sự tiến bộ của từng SV qua việc đánh giá quá trình.

Thứ hai, khả năng tự học, tự nghiên cứu còn nhiều hạn chế nên việc tìm tòi, mở rộng kiến thức còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một số SV còn tự ti về bản thân, ngại chia sẻ, trao đổi với bạn bè, thầy cô nên chất lượng học tập chậm cải thiện. Hơn thế nữa khi đăng kí nguyện vọng học ngành GDMN, nhiều SV chưa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, chưa

hiểu rõ các yêu cầu, nhiệm vụ của nghề nghiệp tương lai. Trong quá trình học tập, rèn luyện trên giảng đường đại học, chưa xác định được năng lực và phẩm chất cần bồi dưỡng và phát triển. Những điều đó đã làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV, đặc biệt là đối với môn học cần hình thành các kỹ năng chăm sóc trẻ như môn PB&ĐBAT cho trẻ MN.

Thứ ba, PB&ĐBAT cho trẻ MN là môn học có nhiều nội dung thực hành nhằm hình thành các kỹ năng chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non nhưng đến kì 5 (năm thứ 3) thì SV mới học học phần này nên việc thực hành chỉ được SV thực hiện trong những giờ học thực hành, SV ít được thực tế phổ thông nên các kỹ năng khó được thuần thục và thiếu hụt các kỹ năng mềm hình thành trong thực tiễn trường mầm non.

2.3. Một số biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ em của ngành Giáo dục mầm non tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

2.3.1. Tăng cường bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp giáo viên mầm non cho sinh viên

Giáo viên mầm non phải có tính kiên nhẫn trước những hành động non trẻ; tỉ mỉ, tận tình, định hướng suy nghĩ và hành động đúng đắn cho trẻ (Nguyễn Thị Sen, 2019). Nếu lòng yêu nghề, yêu trẻ không đủ lớn cùng với sự thiếu kiên nhẫn trước áp lực nghề nghiệp đặc thù, giáo viên mầm non rất dễ vi phạm đạo đức nghề giáo, vi phạm lí tưởng mục tiêu “tất cả vì học sinh thân yêu” của mình và không gắn bó lâu dài với nghề. Vì vậy, đạo đức nghề nghiệp cần được hình thành và bồi dưỡng ngay trong quá trình đào tạo. Việc bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non theo Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non (Bộ GD-ĐT, 2008) [2] cần được thực hiện ngay từ khi SV mới nhập học và thực hiện định kì trong suốt quá trình học tập. Nhà trường và Khoa cần tổ chức các chuyên đề, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi tìm hiểu về nghề nghiệp cho SV ngành GDMN. Trong mỗi môn học, GV cần lồng ghép, tích hợp đạo đức nghề nghiệp để giảng dạy, hun đúc tình yêu nghề qua từng tiết học. Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội SV có thể thành lập những câu lạc bộ Nghề Mầm non để SV được gặp gỡ, trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau hình thành và rèn luyện các năng lực nghề nghiệp,...

2.3.2. Đổi mới mục tiêu học phần theo hướng phát triển năng lực người học

Với học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN, năng lực cần được hình thành và phát triển ở người học bao gồm cả năng lực chung và năng lực nghề nghiệp. Khi xác định rõ ràng và lượng hóa được mục tiêu sẽ giúp người dạy định hướng tốt hơn cho hoạt động giảng dạy nhằm giúp SV phát triển. Mục tiêu học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN cần được xây dựng nhằm phát triển năng lực chung và năng lực nghề nghiệp của SV ngành GDMN. Năng lực chung cần đạt được gồm năng lực tự học (có khả năng tự đánh giá, định hướng phát triển bản thân; có khả năng tổ chức và đánh giá kết quả hoạt động tự học, chủ động, linh hoạt thích ứng với sự thay đổi trong lí thuyết và thực tiễn chăm sóc - giáo dục), năng lực giao tiếp và hợp tác (sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, đơn giản, dễ hiểu; giao tiếp hiệu quả bằng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; ứng xử một cách thân thiện, phù hợp với trẻ em, bạn bè, thầy cô,...), năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề (khả năng phân tích, đánh giá thông tin và ý tưởng, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo), năng

lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin (có khả năng sử dụng ngoại ngữ để tìm kiếm thông tin, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào phục vụ quá trình tự học, trao đổi thông tin, báo cáo kết quả học tập,...).

Năng lực nghề nghiệp cần đạt qua học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN gồm năng lực nền tảng, năng lực chăm sóc trẻ, năng lực giáo dục trẻ và năng lực nâng cao. Năng lực nền tảng: SV nắm vững và vận dụng linh hoạt kiến thức về bệnh học, giáo dục học vào quá trình chăm sóc - giáo dục cho trẻ ở trường mầm non; SV nắm vững đặc điểm tâm, sinh lí của trẻ mầm non để thực hiện các biện pháp chăm sóc - giáo dục phù hợp với từng độ tuổi. Năng lực chăm sóc trẻ là khả năng phòng bệnh, đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn, phát hiện sớm, xử lí bước đầu và chăm sóc trẻ ốm, bị tai nạn phù hợp với từng độ tuổi trẻ mầm non. Năng lực giáo dục trẻ là khả năng thiết lập môi trường giáo dục (môi trường vật chất và môi trường xã hội) phù hợp với từng hoạt động của trẻ; là sử dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức dạy học để lồng ghép, tích hợp giáo dục thói quen cho trẻ vào các hoạt động khác nhau; là khả năng quản lí nhóm trẻ hiệu quả. Năng lực nâng cao của học phần cần hướng đến phát triển ở SV khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học về lĩnh vực phòng bệnh và xử trí ban đầu ở trẻ mầm non, phát triển khả năng hướng dẫn, tư vấn cho phụ huynh và cộng đồng những vấn đề về chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh cho trẻ và có thể thực hiện công tác quản lí GDMN. Với mục tiêu học phần được xây dựng theo hướng phát triển năng lực người học như trên sẽ giúp GV và SV đổi mới hoạt động dạy và học nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo vận dụng tri thức vào thực tiễn chăm sóc-giáo dục trẻ của SV ngành GDMN.

2.3.3. Nâng cao chất lượng tự học cho sinh viên

Trong quá trình giảng dạy, GV cần chú trọng rèn luyện cho SV phương pháp, kĩ năng tự học, biết linh hoạt vận dụng những điều đã học vào thực tiễn, góp phần hình thành và bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non cho SV (Nguyễn Đức Giang và Phạm Thị Hồng Nhung, 2019) [5]. Học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN có khối lượng kiến thức khoa học lớn, có tính ứng dụng cao, các kĩ năng chăm sóc, giáo dục trẻ mà SV cần rèn luyện nhiều, nếu SV chỉ trông chờ vào sự cung cấp kiến thức của GV thì sẽ không bảo đảm mục tiêu đào tạo. Vì vậy, SV phải tích cực, chủ động tự học và GV cần có sự hướng dẫn phù hợp để tạo nên sự hứng thú và hiệu quả trong quá trình học tập. Phần lí thuyết của môn học bao trùm khá rộng ở các lĩnh vực khác nhau nên cần dựa vào các phương tiện như giáo trình, tài liệu tham khảo, sách báo chuyên ngành, cơ sở dữ liệu Internet... đòi hỏi SV phải đọc để hiểu. Tuy nhiên, cho đến nay, tài liệu tham khảo về phòng bệnh cho chuyên ngành Mầm non còn ít ỏi, các tài liệu tìm được chủ yếu là dành cho các đối tượng chuyên ngành Y học, Y tế công cộng, Dinh dưỡng. Vì vậy, phần lớn SV ngành GDMN, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội còn lúng túng trong việc lựa chọn và nắm bắt các nội dung quan trọng trong tài liệu, làm giảm hiệu quả của quá trình tự học. Để khắc phục điều này, khi SV tự học, GV phải có sự định hướng, hỗ trợ:

Cần nêu yêu cầu cụ thể để SV tự học trước mỗi buổi học thông qua tài liệu giao nhiệm

vụ học tập, các bài tập, câu hỏi... để hướng dẫn SV tự tìm kiếm nguồn tài liệu, xử lý và lĩnh hội thông tin phù hợp. SV có thể thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hoặc theo nhóm; Để tăng chất lượng đọc tài liệu, GV có thể yêu cầu SV nhận xét, tóm tắt, đưa ra những quan điểm chủ chốt hoặc trình bày thông tin dưới một dạng sáng tạo khác theo cách hiểu của cá nhân. GV cũng có thể yêu cầu SV khi tìm hiểu tài liệu phải đặt ra hệ thống các câu hỏi phù hợp rồi lựa chọn thông tin cơ bản để trả lời. Bên cạnh đó, GV cũng nên đưa ra những tình huống đòi hỏi SV vận dụng kiến thức tìm hiểu những ứng dụng kiến thức khoa học vào thực tiễn cuộc sống; Trên kết quả của quá trình tự học, SV cần được trình bày, đưa ra ý kiến của mình trước tập thể, SV khác nhận xét, bổ sung, trao đổi, có khi xuất hiện cả tranh luận để đi đến kết luận. Nếu tổ chức dạy học theo nhóm, GV có thể yêu cầu các nhóm đọc một số tài liệu khác nhau rồi trình bày trước tập thể để trao đổi về một nội dung khoa học. Để giúp SV hứng thú hơn với việc tự nghiên cứu tài liệu, GV cần tăng cường cho SV được trình bày trước tập thể, khuyến khích SV đặt câu hỏi về các khía cạnh khác nhau của vấn đề nghiên cứu và tạo điều kiện để chính các SV trả lời các câu hỏi, trong quá trình đó, GV ở bên cạnh hỗ trợ, gợi mở để giúp GV tự trả lời.

2.3.4. Tăng cường đổi mới giờ học thực hành

Phần thực hành trong học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN chiếm 2/3 thời lượng chương trình (30/45 tiết). Hoạt động thực hành nhằm hình thành các kỹ năng phòng bệnh (cơ thể, môi trường,...), kỹ năng giáo dục (tư vấn, tuyên truyền về bệnh, phòng bệnh,...), kỹ năng đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ (đánh giá tình trạng bệnh...), kỹ năng tổ chức các hoạt động (chăm sóc trẻ ốm, không chơi ở nơi nguy hiểm,...). Dựa trên các kỹ năng được hình thành sẽ góp phần phát triển các năng lực nghề nghiệp cần thiết, từ đó, dần hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức người giáo viên mầm non cho SV. Chính vì thế, phần thực hành PB&ĐBAT cho trẻ MN cũng cần được đổi mới theo hướng phát huy hơn nữa năng lực của người học.

Thứ nhất, cần đa dạng hóa hình thức tổ chức thực hành của học phần. Từ trước đến nay, phần thực hành PB&ĐBAT cho trẻ MN được diễn ra chủ yếu ở lớp học SV thực hiện các hoạt động hình thành kỹ năng dưới sự hướng dẫn của GV. Số tiết thực hành của học phần chỉ trong một phạm vi nhất định theo thời lượng quy định của chương trình mà việc hình thành các kỹ năng cần phải được luyện tập thường xuyên, liên tục, nhất là các kỹ năng phòng bệnh và chăm sóc trẻ nên nếu chỉ dựa vào số giờ học thực hành trên lớp thì không bảo đảm cho việc hình thành năng lực nghề nghiệp. Vì không có đối tượng thực tế là trẻ em nên SV vẫn thường đóng vai trẻ để tập luyện, các phương tiện hỗ trợ còn chưa đa dạng... đã làm những tiết học thực hành tại trường thiếu đi tính hấp dẫn, các kỹ năng vẫn chỉ là cơ sở lý thuyết. Vì vậy, cần thêm hình thức thực hành tại trường mầm non để rèn luyện kỹ năng của SV.

Muốn vậy, Nhà trường cần xây dựng hoặc thiết lập một trường mầm non thực hành để SV được thường xuyên rèn luyện, trau dồi kỹ năng và kinh nghiệm. Khi chăm sóc - giáo dục trẻ thường xuyên, SV được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp của mình, các động tác dần trở nên nhuần nhuyễn và thành thục. Qua các hoạt động thực tiễn tại trường thực hành, SV

sẽ quan sát được nhiều tình huống bất ngờ nảy sinh, được thấy cách ứng xử, giải quyết của các cô giáo mầm non mà GV không thể đưa hết vào giảng dạy trong tiết học. Và đặc biệt nhất, SV được tiếp xúc trực tiếp với trẻ nhỏ với muôn vàn các biểu hiện khác nhau, để tự rút ra những quy luật, đặc điểm sinh lý, tâm lý của trẻ nhỏ trên cơ sở lý thuyết đã được giới thiệu. Điều này còn góp phần bồi dưỡng tình cảm, lòng yêu nghề, mến trẻ cho các cô giáo mầm non tương lai.

Thứ hai, cần đổi mới kiểm tra, đánh giá phần thực hành PB&ĐBAT cho trẻ MN nhằm phát huy năng lực của SV. Kiểm tra kết thúc học phần không có phần đánh giá thực hành. Điều này là chưa phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực mà môn học đang hướng tới. Vì thế, cần có sự điều chỉnh trọng số điểm thực hành trong tổng số điểm của học phần. Bên cạnh đó, cũng cần đa dạng hóa cách thức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hành. Với một số nội dung thực hành đòi hỏi phải luyện tập lặp đi lặp lại, thường xuyên trong thời gian dài như chăm sóc trẻ ốm, xử trí ban đầu một số bệnh và tai nạn,... GV có thể cho SV tự thực hành rồi quay video tiến trình thực hiện. Nhiệm vụ của giáo viên mầm non là vừa làm vừa hướng dẫn trẻ, nên trong quá trình luyện tập các kỹ năng, GV cần yêu cầu SV rèn luyện cả khả năng ngôn ngữ bằng cách vừa làm vừa hướng dẫn trẻ thực hiện. Với đoạn video kết quả thực hành gồm cả hình ảnh và âm thanh, SV có thể tự đánh giá được sự tiến bộ và làm cơ sở để hoàn thiện dần bản thân. Đồng thời, GV có thể sử dụng các video của SV để minh họa trên lớp, yêu cầu SV đánh giá mức độ chính xác, thành thạo khi luyện tập, thực hành và rút ra các bài học kinh nghiệm.

3. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo SV ngành GDMN, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, GV cần tích cực đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và cách thức hướng dẫn SV học tập. Tuy nhiên, để đào tạo được đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của xã hội, cần sự phối hợp, thay đổi của cả Nhà trường, GV giảng dạy các học phần khác và SV. Hi vọng rằng, với một số biện pháp đề xuất trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo học phần PB&ĐBAT cho trẻ MN cho SV ngành GDMN, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD-ĐT, Bộ Nội vụ (2015), *Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
2. Bộ GD-ĐT (2008), *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 ban hành Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.
3. Lê Thị Mai Hoa (2016), *Giáo trình Bệnh học trẻ em*, Nxb. Đại học Sư phạm
4. Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân (2014), *Giáo trình Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

5. Nguyễn Đức Giang, Phạm Thị Hồng Nhung (2019), *Hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá năng lực tự học và quy trình tổ chức phát triển năng lực tự học cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7, tr 185-190; 194.
6. Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (2016), *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non*.

**SOME MEASURES TO IMPROVE THE TEACHING QUALITY OF
“PREVENTION AND SAFETY FOR PRESCHOOL CHILDREN”
FOR STUDENT MAJORING IN NURSERY EDUCATION
AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY**

Abstract: Along with the increase in educational innovation in general and nursery education in particular, the renewal of objectives, content of training programs and methods of teaching modules is an inevitable trend. The article pointed out its advantages and disadvantages, then proposed a number of measures to improve the teaching quality of “Prevention and ensure safety measures for preschool children” subject for students majoring in Early Childhood Education at Hanoi Metropolitan University in the direction of developing learners' competencies.

Keywords: Early Childhood Education, prevention, safety measures, teaching quality, prevention and safety measures for preschool children.